

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ		
1.1. Nhà thầu có giấy phép viễn thông được cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền cấp còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu (<i>có bản sao công chứng hoặc chứng thực bởi tổ chức có thẩm quyền đính kèm</i>), bao gồm: - Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông; - Giấy phép thiết lập mạng viễn thông. Trường hợp Nhà thầu là liên danh thì tất cả các thành viên phải đáp ứng yêu cầu này	Có đầy đủ tài liệu chứng minh hợp lệ	Đạt
	Không có đủ tài liệu chứng minh hợp lệ	Không đạt
1.2. Phạm vi cung cấp dịch vụ: Có cam kết cung cấp tất cả các nội dung tại Chương IV – Mẫu số 1A – Phạm vi cung cấp của E-HSMT	Có cam kết cung cấp tất cả các nội dung yêu cầu	Đạt
	Không có cam kết hoặc cam kết thiếu ít nhất một nội dung	Không đạt
1.3. Yêu cầu tại Chương V -	Đáp ứng tất cả các yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu kỹ thuật của	Đạt

Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT	E-HSMT	
	Không đáp ứng một trong các nội dung yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT	Không đạt
2. Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc	Trình bày sự am hiểu về phạm vi, quy mô, mục đích, yêu cầu của gói thầu	Đạt
	Không trình bày hiểu biết về tính chất và mục đích công việc hoặc trình bày sai yêu cầu	Không đạt
3. Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ		
3.1. Kế hoạch thực hiện triển khai lắp đặt kênh bao gồm: thời gian triển khai, hạng mục công việc, thời gian hoàn thành, thiết bị vật tư đi kèm (nếu có)	Có kế hoạch triển khai các nhiệm vụ rõ ràng chi tiết về từng mốc thời gian từng nhiệm vụ	Đạt
	Không có kế hoạch triển khai các nhiệm vụ rõ ràng chi tiết về từng mốc thời gian, từng nhiệm vụ	Không đạt
3.2. Giải pháp kỹ thuật	Có thuyết minh chi tiết về các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu (bao gồm từ lắp đặt – vận hành – chạy thử – chuyển giao) một cách khoa học, hợp lý, khả thi.	Đạt
	Không có thuyết minh, hoặc có nêu nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
4. Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện		
4.1. Quy trình tiếp nhận và xử lý sự cố và cam kết đáp ứng thời gian yêu cầu sau: - Thời gian tiếp nhận sự cố: 24 giờ/7 ngày/12 tháng. - Thời gian kiểm tra xác định sự cố và thực hiện khắc phục sự	Có quy trình tiếp nhận và xử lý sự cố và cam kết đáp ứng thời gian yêu cầu.	Đạt
	Không có quy trình tiếp nhận và xử lý sự cố hoặc có quy trình tiếp nhận và xử lý sự cố nhưng không	Không đạt

cổ: ≤1,5 giờ kể từ lúc nhận được thông báo sự cố từ Chủ đầu tư.	cam kết đáp ứng thời gian yêu cầu.	
<p>4.2. Dịch vụ giám sát, quản lý đường truyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát và quản lý đường truyền thông tin 24 giờ/7 ngày/12 tháng; - Cảnh báo qua E-mail hoặc SMS khi các thông số hoạt động của mạng vượt ngưỡng an toàn đã được hai bên thống nhất từ trước; - Cung cấp đường dẫn và tài khoản truy cập cho phép tra cứu dữ liệu thống kê về băng thông sử dụng internet thực tế ở dạng thời gian thực và dữ liệu lịch sử. 	Có kế hoạch, biện pháp giám sát chất lượng và bảo trì định kỳ chi tiết, hợp lý; đáp ứng yêu cầu tra cứu dữ liệu thống kê về băng thông như yêu cầu	Đạt
	Không có kế hoạch, không có biện pháp giám sát chất lượng và bảo trì định kỳ chi tiết, không hợp lý; không đáp ứng yêu cầu tra cứu dữ liệu thống kê về băng thông như yêu cầu	Không đạt
<p>4.3. Dịch vụ an toàn thông tin (ATTT), bảo mật đường truyền</p>	Nhà thầu đề xuất dịch vụ an toàn thông tin (ATTT), bảo mật đường truyền đáp ứng dịch vụ đề xuất ngăn chặn, cảnh báo các cuộc tấn công từ chối dịch vụ trên kênh truyền cung cấp	Đạt
	Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
<p>4.4. Phát hiện, cảnh báo và hỗ trợ giảm thiểu tấn công DDoS tới mạng khách hàng trên kênh truyền cung cấp bởi nhà mạng. Trường hợp nhà thầu là liên danh, tất cả các thành viên phải đáp ứng yêu cầu này</p>	Nhà thầu có thuyết minh giải pháp kỹ thuật chi tiết, hình ảnh chứng minh khả năng bảo vệ cho hệ thống	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật chi tiết, không có hình ảnh chứng minh khả năng bảo vệ cho hệ thống	Không đạt

5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ:		
5.1. Tiêu chuẩn chất lượng đường truyền: Nhà thầu phải có chứng nhận chất lượng đường truyền đáp ứng TCVN 11300:2016 hoặc chứng chỉ MEF 3.0 hoặc tương đương... <i>(Có bản sao công chứng chứng minh)</i>	Có đầy đủ tài liệu chứng minh hợp lệ đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Không có đủ tài liệu chứng minh hợp lệ đáp ứng yêu cầu	Không đạt
5.2. Nhà thầu có kết nối trực tiếp tới các đơn vị cung cấp kết nối Internet trực tiếp chính tại Việt Nam <i>(Cung cấp tài liệu chứng minh: Hợp đồng hoặc Thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực (bản sao công chứng))</i>	Có đầy đủ tài liệu chứng minh hợp lệ đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Không có đủ tài liệu chứng minh hợp lệ đáp ứng yêu cầu	Không đạt
5.3. Nhà thầu có kết nối đồng thời 03 tuyến cáp quang trong số các tuyến AAG, APG, IA, SMW3, AAE1, CSC <i>(cung cấp tài liệu chứng minh)</i> Đối với Nhà thầu liên danh, tối thiểu có 1 thành viên liên danh phải đáp ứng	Có đầy đủ tài liệu chứng minh hợp lệ đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Không có đủ tài liệu chứng minh hợp lệ đáp ứng yêu cầu	Không đạt
5.4. Nhà thầu có sơ đồ kết nối tới VNIX do Trung tâm internet Việt Nam (VNNIC) cung cấp trong đó hiển thị đơn vị tham gia thầu và có kết nối tới hệ thống VNIX với tổng dung lượng ≥ 50 Gbps	Có sơ đồ kết nối tới VNIX hợp lệ	Đạt
	Không có sơ đồ kết nối tới VNIX hợp lệ	Không đạt
5.5. Nhà thầu có sơ đồ kết nối logic và hình ảnh công cụ truy vết (traceroute) 2 chiều giữa một khách hàng của nhà thầu đã cung cấp với Internet quốc tế	Có sơ đồ kết nối hợp lệ	Đạt
	Không có sơ đồ kết nối hợp lệ	Không đạt

5.6. Kênh truyền có kết nối dự phòng đảm bảo hoạt động ổn định 24/24 (theo 2 hướng vật lý khác nhau) (<i>cung cấp tài liệu chứng minh</i>)	Có đầy đủ tài liệu chứng minh hợp lệ đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Không có đủ tài liệu chứng minh hợp lệ đáp ứng yêu cầu	Không đạt
6. Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT:		
Nhà thầu có bản cam kết tiến độ cung cấp dịch vụ đường truyền internet, kênh truyền dữ liệu là 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực), liên tục, không gián đoạn (trừ trường hợp bất khả kháng do thiên tai hoặc có văn bản cụ thể yêu cầu ngừng cung cấp từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được Chủ đầu tư công nhận)	Có bản cam kết	Đạt
	Không có bản cam kết	Không đạt
7. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nhà thầu có cam kết: Tính từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 và khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Đạt
	Không có cam kết đầy đủ các nội dung trên.	Không đạt
Kết luận	Tất cả các tiêu chí chi tiết được đánh giá là đạt	Đạt
	Có tối thiểu một tiêu chí được đánh giá không đạt.	Không đạt